

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2024

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và ông Bùi Quang Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990 vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị L, bị đơn anh T đều trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T1 nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/10/2019 và chung sống được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Chị L, anh T xác định có một con là Nguyễn Ngọc T. H, sinh ngày 15/5/2021, hiện tại do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L và anh T đều có quan điểm tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn đề nghị bà Hiền, là mẹ của chị L xác định: Trong quá trình chung sống các bên đương sự có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, hiện tại đã sống ly thân, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Nay bà Hiền đề nghị Toà án giải quyết cho hai bên đương sự được ly hôn, giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị L ly hôn anh T; giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; chị L phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Những người tham gia tố tụng đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T1 nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 18/10/2019, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không còn tin tưởng nhau. Theo chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị L được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Xác định chị L, anh T có một con là Nguyễn Ngọc T. H, sinh ngày 15/5/2021. Khi ly hôn, chị L, anh T đều có quan điểm giao cháu H cho chị

L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Sau khi xem xét quan điểm của đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu H hiện chưa đủ 07 tuổi, từ trước đến nay chủ yếu do chị L nuôi dưỡng; mặt khác cháu H đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị L tại thành phố Hải Phòng; quá trình chăm sóc cháu H, chị L đều đảm bảo các điều kiện về nuôi dưỡng. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc T. H, sinh ngày 15/5/2021 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Trọng T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000998, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

